

Bản án số: 88/2019/HS-PT

Ngày 21-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 80/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Đức B. Do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình P.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức B**, sinh năm 1994 tại tỉnh B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ tên là Ngô Thị L, sinh năm: 1996; Bị cáo có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/03/2019 cho

đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Trần Văn D – Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B.

Địa chỉ: KDC T, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ vợ có quan hệ tình cảm với Bùi Thế H, sinh ngày 08/8/2001 nên trong khi uống rượu với Nguyễn Đại S, Nguyễn Đức B rủ Sơn tìm bắt H nói chuyện cảnh cáo không cho quan hệ qua lại với vợ mình, nghe vậy S đồng ý. Khoảng 15 giờ ngày 24/01/2019 B điều khiển xe mô tô biển số 93P1-785.81 của ông Nguyễn Đức T chở Sơn đến tiệm sửa xe “T” thuộc khu H, thị trấn Đ, huyện B tìm H. Khi đến nơi B nói với H “Mày đi với tao ra ngoài kia nói chuyện”, nhưng H không đi. S liền xuống xe rút 01 con dao trong túi quần ra kề vào hông của H không chế bắt H leo lên xe mô tô, rồi B điều khiển xe chở H và S đến khu vực nghĩa trang thuộc khu vực thôn 1 xã Đ, huyện B. Khi đến nơi B hỏi H về việc quan hệ bất chính với vợ mình, H không thừa nhận nên S lao vào dùng tay, chân đánh H. Lợi dụng lúc B, S không để ý H bỏ chạy, thì S chạy bộ còn B dùng xe máy đuổi theo bắt H. B và S tiếp tục dùng xe máy chở H quay ngược lại khu vực nghĩa trang, B bảo S cởi áo đưa cho B trói tay H còn S dùng tay, chân và cây củi điều đánh H. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày Công an thị trấn Đ đến bắt quả tang người cùng tang vật.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô 93P1-785.81, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Đức T.

+ 01 áo sơ mi màu xanh; 01 cây củi điều dài 80cm, đường kính 04cm. Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện B để phục vụ cho việc truy tố, xét xử.

+ 01 con dao, Sơn đã làm mất trong thời gian bỏ trốn, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình P đã tuyên xử:

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức B phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

Về điều luật áp dụng và hình phạt

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo khác, tuyên xử về án phí, vật chứng và quyền kháng cáo.

Ngày 19/8/2019 bị cáo Nguyễn Đức B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sửa bản án hình sự 43/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B.

Luật sư Trần Văn D trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 24/01/2019 B điều khiển xe mô tô chở S đến tiệm sửa xe “T”. Khi đến nơi S cầm 01 con dao không chế bắt H lên xe mô tô rồi chở H đến khu vực nghĩa trang thuộc khu vực thôn 1 xã Đ. B hỏi H về việc quan hệ bất chính

với vợ mình nhưng H không thừa nhận nên S đánh H. Sau đó H bỏ chạy thì bị S và B bắt lại và lấy áo trói tay H. S dùng tay, chân và cây củi điều đánh H. Sau đó Công an thị trấn Đ đến bắt quả tang người cùng tang vật. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Chỉ vì nghi ngờ vợ của mình có quan hệ tình cảm với H mà bị cáo đã rủ S đi bắt giữ và đánh đập H. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi bắt giữ người khác một cách trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật hình sự nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm đối với bị cáo để bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân cũng để phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức B, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo. Trong vụ án này bị cáo B là người chủ mưu, khởi xướng, đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo Bình không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[3.2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cũng cần xem xét động cơ, mục đích và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo. Bị cáo bắt giữ bị hại H chỉ nhằm mục đích hỏi rõ về mối quan hệ tình cảm giữa H với vợ của mình chứ không hề có mục đích đánh đập hay làm gì khác với bị hại H. Mặt khác tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/01/2019 (Bút lục số: 53) bị hại Bùi Thế H đã thừa nhận là có quan hệ tình cảm với chị L, là vợ của bị cáo B. Hành vi này của bị hại H đã làm cho bị cáo B bị kích động về tinh thần dẫn đến có hành

vi phạm pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cho bị cáo B là có thiếu sót. Vì vậy tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét áp dụng cho bị cáo B. Việc khắc phục áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo B tại phiên tòa phúc thẩm không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Nên chỉ cần nhắc nhở Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật sau này. Ngoài ra trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có 02 con nhỏ và là lao động chính trong gia đình; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại H cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, mức án 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của Luật sư Trần Văn D là phù hợp một phần nên được chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Nguyễn Đức B không phải chịu.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[1] Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 43/2019/HS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình P về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức B.

[2] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức B** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”

[3] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức B** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức B không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Phòng PV06 CA tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- TAND huyện B;
- Công an huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thư